

BÀI 1

TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC VÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giáo dục, nâng cao nhận thức cho chiến sĩ về truyền thống vẻ vang của dân tộc; truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Khơi dậy niềm tự hào của quân nhân, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc và quân đội trong thời kỳ mới; xác định tốt động cơ, thái độ, trách nhiệm, tích cực huấn luyện, học tập, công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ. Phấn đấu trở thành người chiến sĩ ưu tú trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

NỘI DUNG

I. TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam

Trên nền tảng phát triển kinh tế - xã hội thời Đông Sơn, trước những đòi hỏi của công cuộc trị thủy và chống xâm lăng, Nhà nước Văn Lang - Nhà nước đầu tiên đã ra đời vào khoảng thế kỷ thứ VII trước Công nguyên. Bằng sức lao động cần cù sáng tạo, cư dân Văn Lang (sau đó là Âu Lạc) đã tạo dựng nên một nền văn minh tỏa sáng khắp vùng Đông Nam Á. Đi cùng Nhà nước đầu tiên của lịch sử Việt Nam là một nền kinh tế phong phú, một nền văn hóa cao được mọi người biết đến với tên gọi là văn minh Sông Hồng (còn gọi là văn minh Đông Sơn), biểu tượng là trống đồng Đông Sơn - thể hiện sự kết tinh lối sống, truyền thống và văn hóa của người Việt cổ.

Vừa dựng nước, người Việt đã phải liên tiếp đương đầu với sự xâm lăng của các thế lực bên ngoài. Ngay từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên, Việt Nam đã bị các triều đại phong kiến phương Bắc thay nhau đô hộ (kéo dài hơn 1.000 năm). Sự tồn vong của một dân tộc bị thử thách suốt hơn nghìn năm đã sản sinh ra tinh thần bất khuất, kiên cường, bền bỉ đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hóa, quyết giành lại độc lập cho dân tộc của người dân Việt Nam. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 kết thúc hơn 1.000 năm Bắc thuộc, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử Việt Nam - kỷ nguyên phát triển quốc gia phong kiến độc lập, thời kỳ xây dựng và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Dưới các triều Ngô (939-967), Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009), Nhà nước trung ương tập quyền được thiết lập. Sau đó, Việt Nam bước vào thời kỳ phục hưng và phát triển (với quốc hiệu Đại Việt) dưới triều Lý (1009-1226), Trần (1226-1400), Hồ (1400-1407), Lê Sơ (1428-1527).

Từ thế kỷ XVI, chế độ phong kiến Việt Nam với tư tưởng nho giáo đã bộc lộ sự lạc hậu và bắt đầu suy yếu. Tuy trong các thế kỷ XVI - XVIII, nền kinh tế, văn hóa có những bước phát triển nhất định, nhiều thành thị, thương cảng ra đời

đẩy nhanh quan hệ buôn bán trong và ngoài nước, nhưng do bị chia cắt và nội chiến đã kìm hãm sự phát triển của đất nước.

Bước sang đầu thế kỷ XIX, các nước tư bản phương Tây đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, ráo riết tìm kiếm thị trường, từng bước xâm chiếm thuộc địa. Người Pháp, thông qua con đường truyền đạo, thương mại đã tiến hành thôn tính Việt Nam (1858). Đây là lần đầu tiên dân tộc Việt Nam phải đương đầu với họa xâm lăng từ một nước công nghiệp phương Tây. Trong hoàn cảnh này, một số chí sĩ Việt Nam như Nguyễn Trường Tộ, Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Trương Vĩnh Ký, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Lộ Trạch... đã nhận thức được yêu cầu bảo vệ độc lập phải gắn liền với cải cách, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng trì trệ của phương Đông. Họ đã đệ trình những đề nghị canh tân đất nước, nhưng đều bị triều Nguyễn khước từ, đẩy đất nước vào tình trạng lạc hậu, bế tắc và từ đó Việt Nam đã trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến trong gần 100 năm (1858-1945).

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3 tháng 2 năm 1930 là dấu mốc quan trọng trong lịch sử Việt Nam. Tháng 8 năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa thành công, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 2 tháng 9 năm 1945.

Nước Việt Nam non trẻ vừa ra đời lại phải tiến hành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước kéo dài suốt 30 năm sau đó. Cuộc kháng chiến 9 năm (1945-1954) của nhân dân Việt Nam chống lại sự xâm lược trở lại của thực dân Pháp, kết thúc bằng chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơnevơ, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền của ba nước Đông Dương. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tạo tiền đề cho thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kết thúc oanh liệt cuộc chiến đấu 30 năm giành độc lập, tự do, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày 2 tháng 7 năm 1976, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được đổi tên thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với lãnh thổ bao gồm cả hai miền Nam và Bắc. Năm 1977, Việt Nam trở thành thành viên của Liên hợp quốc.

Trong khoảng 10 năm đầu của thời kỳ sau chiến tranh (1975-1985), nhiều mục tiêu kinh tế - xã hội không thực hiện được do những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước với trọng tâm là đổi mới kinh tế. Đây là một dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam thời kỳ mới. Đường lối đổi mới tiếp tục được Đảng ta khẳng định, bổ sung, phát triển và hoàn thiện qua các kỳ đại hội tiếp theo.

Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986-2021), 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2021), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước được

hiện thực hoá. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Đặc biệt, những thành tựu đó đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Cương lĩnh tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

2. Truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam

Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã nêu những giá trị truyền thống nổi bật là: Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc, lòng khoan dung, trọng nghĩa tình đạo lý, tính cần cù sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống. Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước tiếp tục khẳng định những giá trị cơ bản như: Yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Có thể khái quát một số giá trị truyền thống tiêu biểu sau:

Thứ nhất, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc.

Lòng yêu nước của dân tộc ta được hình thành từ rất sớm và có nguồn gốc sâu xa từ ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc. Từ những tình cảm rất đơn sơ, bình dị và gần gũi đối với những người ruột thịt, dần dần phát triển thành tình cảm gắn bó với làng xóm, quê hương và cao hơn hết là lòng yêu nước, tự tôn dân tộc. Lòng yêu nước của dân tộc ta không chỉ là tình cảm mà còn trở thành triết lý sống và phương châm ứng xử, chỉ dẫn hành động, khẳng định các giá trị, mà điều quan trọng hơn nó còn là cội nguồn, cơ sở của các giá trị truyền thống khác.

Trải qua bao biến thiên của lịch sử, lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường, lòng tự hào dân tộc sâu sắc vẫn tồn tại một cách bền bỉ và tỏa sáng rạng rỡ, làm nên cốt cách dân tộc Việt Nam; đồng thời, được thử thách và khẳng định, được bổ sung, phát triển qua từng thời kỳ theo yêu cầu phát triển của dân tộc và thời đại, trở thành một trong những giá trị cao quý và bền vững nhất của dân tộc ta. Đó là nền tảng tinh thần to lớn, là giá trị đạo đức cao quý nhất trong thang bậc

các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam, trở thành “tiêu điểm của các tiêu điểm, giá trị của các giá trị” và là nguồn sức mạnh vô địch giúp cho dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi thiên tai, địch họa, vững vàng tiến lên phía trước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”¹.

Trong điều kiện mới hiện nay, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục chủ trương “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc”² để tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hai là, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng dân tộc.

Ý thức đầu tiên về sự cố kết cộng đồng của người Việt Nam đã được dân gian thần thánh hóa bằng thiên truyền thuyết đẹp với hình ảnh “bọc trăm trứng” để lý giải cùng chung nguồn cội con cháu Rồng Tiên - Truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ. Trong hoàn cảnh phải thường xuyên chống chọi với thiên tai, với giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế, quân sự lớn hơn ta gấp nhiều lần mà truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng được hình thành, củng cố và phát triển. Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng đã trở thành một triết lý nhân sinh sâu sắc, là nguồn sức mạnh to lớn để dân tộc ta đánh thắng mọi thế lực ngoại xâm. Lịch sử dân tộc đã chứng minh rằng, khi nào dân tộc ta trên dưới đoàn kết một lòng thì dù kẻ thù có hùng mạnh đến đâu, chúng ta cũng đánh thắng; ngược lại, khi nào chúng ta không thực hiện được đoàn kết toàn dân, trong nội bộ có sự chia rẽ thì sức mạnh bị suy yếu, độc lập dân tộc bị đe dọa. Thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đầu thế kỷ XV là một ví dụ. Do không thống nhất được lòng dân, nên dù có thời gian chuẩn bị kháng chiến lâu dài, vũ khí tân tiến vẫn không bảo vệ được độc lập dân tộc. Hoặc trong các thế kỷ XVI - XVIII, chiến tranh phân chia Trịnh - Nguyễn, Nam - Bắc triều là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự suy yếu của đất nước, làm cho thực dân Pháp có cơ hội xâm lược nước nhà. Những trang sử hào hùng và vẻ vang của nhà Trần chống quân Mông - Nguyên, của cả dân tộc ta chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược giành thắng lợi là minh chứng hùng hồn cho chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công”³.

Kế thừa truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, phát huy cao độ

¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2011, tr. 38.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H. 2021, tr..

³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 13, Sđd, tr. 119.

nội lực, đồng thời phải tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại. Trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, tinh thần đoàn kết dân tộc càng có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng ta nhấn mạnh “phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh”⁴ tạo thành động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, lòng nhân ái, khoan dung, khát vọng hòa bình, yêu hòa bình.

Nhân ái nghĩa là yêu thương con người. Lòng nhân ái được nảy nở và phát triển chính trong cuộc sống lam lũ, khó khăn hằng ngày của nhân dân ta. Thực tiễn cho thấy, hàng nghìn năm sống dưới ách thống trị của bọn phong kiến, thực dân với chính sách nô dịch, cướp bóc cùng với bão lụt, hạn hán, mất mùa, dịch bệnh... đã đè nặng lên cuộc sống, làm cho nhân dân ta vô cùng cực khổ. Họ cảm thấy thương mình, thương những người cùng cảnh ngộ với mình và trong lúc khó khăn, hoạn nạn ấy, chính tình yêu thương, đùm bọc, sẻ chia lẫn nhau đã giúp họ vượt qua hoàn cảnh thực tại. Vì vậy, lòng yêu thương con người “Thương người như thể thương thân”, “Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ”... từ lâu đã trở thành nếp nghĩ, cách ứng xử, triết lý sống của con người Việt Nam, chi phối mối quan hệ giữa người với người trong xã hội.

Lòng nhân ái của người Việt Nam thấm đượm trong các mối quan hệ từ gia đình, làng xóm đến cộng đồng, xã hội. Trong gia đình, bố mẹ có trách nhiệm lo cho con cái khi còn nhỏ, con cái phải biết vâng lời, chăm sóc bố mẹ, tri ân đáng sinh thành, vì: “Công cha như núi Thái Sơn - Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”. Với anh chị em thì phải biết yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau: “Anh em như thể chân tay”, “Chị ngã, em nâng”... Trong quan hệ làng xóm: “Tối lửa tắt đèn có nhau”, “Bán anh em xa, mua láng giềng gần”. Với những người trong cùng một nước thì luôn lấy tình nghĩa để đối đãi: “Bầu ơi thương lấy bí cùng - Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, “Nhiều điều phủ lấy giá gương - Người trong một nước phải thương nhau cùng”...

Lòng nhân ái của dân tộc ta còn bao hàm lòng khoan dung, vị tha dành cho cả những người đã từng làm đường lạc lối, biết lấy công chuộc tội, trở về với chính nghĩa, “mở đường hiếu sinh” với kẻ thù khi chúng đã bị thất bại. Không chỉ biểu hiện trong đời sống hằng ngày, tình yêu thương, sự khoan dung, độ lượng với con người của dân tộc Việt Nam còn được nâng lên thành những chuẩn mực quy định trong các bộ luật của Nhà nước; đồng thời, là cơ sở của tinh thần yêu chuộng hòa bình và tình hữu nghị đối với các dân tộc khác.

Tiếp nối truyền thống đó, hiện nay Đảng và Nhà nước ta tiếp tục “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm trên hết và trước hết lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, tr..

đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”⁵.

Bốn là, cần cù, tiết kiệm, lạc quan, khiêm tốn, giản dị, trung thực.

Là một nước nông nghiệp, trong điều kiện lao động với những phương tiện sản xuất thô sơ, thiên nhiên khắc nghiệt, hơn nữa các cuộc chiến tranh xâm lược và sự thống trị của các thế lực bên ngoài đã phá hoại nền kinh tế, làm cho nền kinh tế và đời sống của nhân dân bị kéo lùi hàng thế kỷ. Trong hoàn cảnh đó, truyền thống cần cù nảy nở, củng cố và phát triển. Cần cù vừa là điều kiện để đảm bảo nhu cầu sống của con người, vừa thể hiện ý thức trách nhiệm của người Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hình ảnh người nông dân một nắng, hai sương, cần cù, sáng tạo trong chinh phục thiên nhiên để làm ra hạt thóc “vàng”; hình ảnh “Ăn cơm bằng đèn, đi cấy sáng trăng”, “Cày đồng đang buổi ban trưa”, hay “Tát nước đêm trăng”... đã trở nên quá đỗi quen thuộc với mỗi người dân Việt Nam. Đó không chỉ là những hình ảnh đẹp, mà còn thể hiện đức tính cần cù, siêng năng, yêu lao động của nhân dân ta. Lao động cần cù của người Việt Nam luôn gắn với tiết kiệm, bởi lẽ, “Buôn tàu buôn bè không bằng ăn dè hà tiện”, “Khi có mà không ăn dè, đến khi ăn dè chẳng có mà ăn”... Phẩm chất quý báu đó đã được kế thừa, phát huy qua nhiều thế hệ và trở thành một trong những nét tiêu biểu truyền thống của dân tộc. Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu, rộng như hiện nay, sự cần cù, sáng tạo đi đôi với thực hành tiết kiệm trong lao động sản xuất của mỗi người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa thiết thực, bởi đây chính là động lực tiên quyết nhằm tăng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển, qua đó tự mỗi người đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Mặc dù dân tộc ta luôn phải sống trong hoàn cảnh khó khăn vừa chống thiên tai, vừa chống địch họa, nhưng vẫn luôn lạc quan, tin tưởng vào tương lai. Chính sự lạc quan ấy đã giúp dân tộc ta vượt qua được những khó khăn, thách thức tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. Dân tộc Việt Nam cũng luôn tự hào về đức tính khiêm tốn nhưng không hạ thấp mình; giản dị nên ghét thói xa hoa, cầu kỳ, phô trương hình thức; trung thực nên ghét bỏ kẻ “lá mặt, lá trái”, “tiền, hậu bất nhất”...

Năm là, dũng cảm, bất khuất; hiếu học và tôn sư trọng đạo.

Lịch sử dân tộc Việt Nam ở thời kỳ nào cũng sáng ngời những tấm gương dũng cảm, anh hùng, bất khuất, làm cho các thế lực xâm lược phải run sợ, nể phục. Từ Bà Triệu: “Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá tròng kình ở Biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, cởi ách nô lệ, chứ đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!”; Trần Bình Trọng - một danh tướng nhà Trần trong lúc anh dũng chiến đấu không may bị giặc Mông - Nguyên bắt, khi chúng dụ dỗ quy hàng, ông đã thét to: “Ta thà làm quỷ đất Nam còn hơn làm

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, tr. .

vương đất Bắc”; trước khi bị thực dân Pháp hành hình, Nguyễn Trung Trực còn khẳng khái: “Bao giờ Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây”; đến thời hiện đại, Bế Văn Đàn lấy thân mình làm giá súng, Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai, Tô Vĩnh Diện lấy thân mình chèn pháo, Nguyễn Viết Xuân với tinh thần “Nhằm thẳng quân thù mà bắn”... Chính vì sự dũng cảm, bất khuất ấy mà dân tộc ta mới có thể chiến thắng thiên tai và những kẻ thù lớn mạnh hơn nhiều lần.

Từ ngàn đời nay, hiếu học đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Lịch sử khoa bảng của dân tộc còn lưu danh những tấm gương sáng ngời về ý chí và tinh thần ham học: Nguyễn Hiền mồ côi cha từ nhỏ, theo học nơi cửa chùa, đã trở thành Trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử nước ta khi mới 13 tuổi. Mạc Đĩnh Chi vì nhà nghèo không thể đến lớp, chỉ đứng ngoài nghe thầy giảng, đêm đến phải học dưới ánh sáng của con đom đóm trong vỏ trứng, đã đỗ trạng nguyên và trở thành Lương quốc Trạng nguyên (Trung Hoa và Đại Việt). Đó còn là những tấm gương hiếu học của các bậc hiền tài đáng kính: Nhà giáo Chu Văn An, Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trạng lường Lương Thế Vinh, nhà bác học Lê Quý Đôn...; là tinh thần của nghị lực phi thường vươn lên trở thành nhà giáo ưu tú - Thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký...

Sự hiếu học, tinh thần ham học hỏi của dân tộc Việt Nam còn được biểu hiện ở thái độ coi trọng việc học và người có học, tôn trọng thầy cô, kính trọng họ như cha mẹ của mình: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, “Không thầy đố mày làm nên”. Cùng với tiến trình lịch sử dân tộc, dòng chảy của truyền thống hiếu học ấy với tinh thần “Học! Học nữa! Học mãi!” đã được các thế hệ người Việt Nam hôm nay tiếp tục phát huy và tỏa sáng: Đó là những tấm gương vượt khó, học giỏi trên khắp mọi miền của đất nước; từ những nếp nhà trong gia đình tất cả con cháu đều chăm học và thành đạt như Giáo sư Đặng Thai Mai, Giáo sư Đào Duy Anh, Giáo sư, Nhà giáo nhân dân Nguyễn Lâm... Họ đã thực sự là niềm tự hào làm rạng danh đất Việt và tô thắm thêm tinh thần hiếu học của cha ông.

Nhìn lại lịch sử dân tộc chúng ta thấy rằng, các giá trị truyền thống tốt đẹp đã thấm sâu vào máu thịt của con người Việt Nam qua các thế hệ và đó chính là sức mạnh Việt Nam suốt nhiều thế kỷ. Trong đó, điểm nổi bật chiếm vị trí hàng đầu và trở thành “dòng chủ lưu của đời sống Việt Nam”, cũng như chuẩn mực đạo lý Việt Nam là tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc. Từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Đảng ta đã khơi dậy và phát huy cao độ những giá trị truyền thống này trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong 35 năm đổi mới vừa qua. Ngày nay, những giá trị truyền thống đó vẫn đang được tiếp nối và phát triển, trở thành sức mạnh tiềm tàng, là nội lực vô tận để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đảng ta tiếp tục chủ trương: “Phát huy các giá trị

văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc trong xây dựng con người, phát triển kinh tế - xã hội”⁶.

II. TRUYỀN THÔNG CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Khái quát sự ra đời và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng giữa hai tổng Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo thuộc châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là xóm Nà Sang, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng), Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập theo Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân gồm 34 người, biên chế thành 3 tiểu đội, đồng chí Hoàng Sâm được giao làm đội trưởng, đồng chí Xích Thắng làm chính trị viên. Đội có chi bộ Đảng lãnh đạo. Ngày 22 tháng 12 năm 1944 được lấy làm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 4 năm 1945, Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ của Đảng quyết định hợp nhất các tổ chức vũ trang trên cả nước (hợp nhất Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang khác), thành lập Việt Nam giải phóng quân. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam giải phóng quân được đổi tên thành Vệ quốc đoàn, rồi Quân đội quốc gia Việt Nam (1946), đến năm 1950 được đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, quân đội ta vừa chiến đấu, vừa xây dựng lực lượng ba thứ quân, nhất là bộ đội chủ lực đã có bước phát triển trưởng thành nhanh chóng. Từ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân với trang bị thô sơ, quy mô nhỏ bé, đến những năm 1950 - 1952, quân đội ta đã xây dựng được các đại đoàn chủ lực (tương đương cấp sư đoàn) và lần lượt hình thành các binh chủng kỹ thuật, như: Đại đoàn 304, 308, 316, 325 và Đại đoàn công pháo 351... Từ đó, quân đội đã có sự lớn mạnh cả về quy mô và khả năng tác chiến. Chúng ta đã tổ chức nhiều trận đánh lớn, mở những chiến dịch tiến công và phản công, lập chiến công oanh liệt ở Tây Bắc, Hòa Bình, đồng bằng Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Tây Nguyên, Liên khu 5, Nam Bộ, Thượng Lào và chiến cục Đông - Xuân 1953 - 1954, đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quân đội ta đã không ngừng trưởng thành vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích liên tục phát triển; hệ thống các trường chính quy trong quân đội tiếp tục được thành lập, đào tạo được hàng vạn cán bộ theo các chuyên ngành để bổ sung lực lượng kịp thời cho các chiến trường; các binh đoàn, quân chủng, binh chủng được trang bị vũ khí kỹ thuật hiện đại, đáp ứng yêu cầu chiến đấu của chiến trường. Đề sớm kết thúc chiến tranh, theo đề nghị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, trong hai năm 1973-1974 và đến đầu năm 1975, Bộ Chính trị đã phê chuẩn việc thành lập các quân đoàn: Quân đoàn 1 (10-1973), Quân đoàn 2 (5-

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, tr. .

1974), Quân đoàn 3 (3-1975), Quân đoàn 4 (7-1974) và Đoàn 232 (tương đương quân đoàn, 2-1975), đánh dấu bước phát triển mới của Quân đội nhân dân Việt Nam cả về quy mô tổ chức và trang bị vũ khí kỹ thuật. Quân đội ta có khả năng mở các chiến dịch tiến công bằng lực lượng binh chủng hợp thành quy mô lớn trên các hướng chiến lược, chiến dịch và đánh tiêu diệt địch với lực lượng lớn. Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to lớn nhất. Chiến dịch đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội nhân dân Việt Nam cả về tổ chức lực lượng và trình độ chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhất là từ năm 2010 đến nay, quân đội ta tiếp tục đẩy mạnh xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nắm vững nguyên tắc xây dựng Quân đội về chính trị, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của Quân đội. coi trọng xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện, cả tổ chức biên chế và trang bị, trình độ chính quy và trình độ tác chiến, cả lực lượng thường trực và lực lượng dự bị; có cơ cấu và quy mô hợp lý, theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong thời bình, sẵn sàng đánh thắng trong mọi tình huống.

Quân đội luôn quán triệt, chấp hành nghiêm và thực hiện tốt chức năng tham mưu chiến lược với Đảng, Nhà nước về quân sự, quốc phòng; chủ động nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời, có hiệu quả các tình huống, không để bị động, bất ngờ; nghiên cứu xây dựng, đề xuất ban hành các chiến lược, đề án, góp phần hoàn thiện đường lối, pháp luật về quân sự, quốc phòng. Phát huy tốt vai trò nòng cốt của quân đội trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; cùng với toàn Đảng, toàn dân và hệ thống chính trị bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

Chất lượng tổng hợp, sức mạnh, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của toàn quân được nâng lên. Công tác huấn luyện, diễn tập có nhiều đổi mới, sáng tạo; điều chỉnh tổ chức lực lượng, xây dựng nền nếp chính quy có nhiều chuyên biến tiến bộ; kỷ luật, kỷ cương được tăng cường. Phát huy tốt vai trò nòng cốt, xung kích đi đầu trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, sự cố môi trường, giúp nhân dân xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Công tác hậu cần, kỹ thuật, công nghiệp quốc phòng có bước phát triển toàn diện, bảo đảm tốt cho các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Công tác đối ngoại quốc phòng được triển khai chủ động, tích cực với nhiều đổi mới, sáng tạo đạt được kết quả toàn diện trên cả bình diện song phương và đa phương, trở thành một trong những trụ cột đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và nhân dân, góp phần bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao vị thế, uy tín của quân đội và đất nước trên trường quốc tế.

Đảng bộ Quân đội luôn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, quân đội vững mạnh về chính trị. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng được nâng lên; tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên không suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của quân đội được giữ vững và phát huy; phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” tiếp tục tỏa sáng. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình, cán bộ, chiến sĩ toàn quân luôn đoàn kết, thống nhất cao, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

2. Truyền thống tiêu biểu của Quân đội nhân dân Việt Nam

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, sự nuôi dưỡng và đùm bọc của nhân dân, quân đội ta đã không ngừng phát huy bản chất tốt đẹp, xây đắp nên truyền thống rất vẻ vang, được Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi: “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”⁷.

Trải qua hơn 75 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, cùng với những chiến công mãi mãi ghi vào lịch sử dân tộc như những biểu tượng sáng ngời về một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, phục vụ, quân đội ta đã xây đắp nên những truyền thống cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”. Truyền thống đó được biểu hiện ở những nội dung cơ bản sau:

Một là, trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Là lực lượng chính trị, đội quân vũ trang cách mạng tin cậy của Đảng, Nhà nước và của nhân dân, quân đội ta luôn trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân; chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng cao cả của Đảng, của giai cấp, của dân tộc, là giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên thế giới. Đó là mục tiêu phấn đấu của cả dân tộc, là nguyện vọng chính đáng của toàn thể nhân dân Việt Nam và của cán bộ, chiến sĩ quân đội ta.

Biểu hiện cao nhất của lòng trung thành là luôn kiên định mục tiêu, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối tin tưởng, phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ của quân đội; xứng đáng là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu tuyệt đối trung thành và tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà

⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 14, Sđd, tr. 435.

nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa và lợi ích quốc gia - dân tộc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh con người, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.

Truyền thống trên được bắt nguồn từ lòng tin tưởng tuyệt đối vào mục tiêu, lý tưởng cách mạng, đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng; từ lòng yêu nước, thương nòi, yêu chủ nghĩa xã hội; từ ý thức cảnh giác cách mạng và tinh thần cách mạng tiến công kết hợp với truyền thống đấu tranh anh dũng, bất khuất của dân tộc.

Truyền thống đó được thể hiện: Trong thời chiến, với quyết tâm đánh thắng quân thù, quân đội ta đã khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ, mưu trí, sáng tạo, nghĩ ra nhiều cách đánh thông minh, độc đáo của chiến tranh nhân dân để tiêu diệt sinh lực, phá hủy phương tiện chiến tranh, vô hiệu hóa các vũ khí hiện đại của địch, đánh bại từng thủ đoạn tác chiến, chiến dịch, tiến tới đánh bại từng chủ trương chiến lược của chúng, cùng nhân dân cả nước giành thắng lợi từng bước tiến tới thắng lợi hoàn toàn. Trong thời bình, tinh thần quyết chiến, quyết thắng biểu hiện rõ nét trong hành động sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, biển, đảo, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và bảo vệ nhân dân; là lực lượng chủ lực, nòng cốt, xung kích đi đầu trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, sự cố môi trường, bảo vệ tài sản Nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân; không ngừng học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, huấn luyện nâng cao bản lĩnh, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu; luôn vươn lên làm chủ vũ khí trang bị, khoa học - công nghệ hiện đại, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, không để đất nước bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Ba là, gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí.

Quân đội ta là đội quân cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn giáo dục quân đội phải gắn bó chặt chẽ với nhân dân như máu thịt, thực hiện quân với dân một ý chí. Nhân dân luôn là nguồn sức mạnh to lớn của quân đội, giúp cho quân đội chiến thắng mọi kẻ thù.

Truyền thống đó được thể hiện trong chiến đấu, công tác và học tập, quân đội ta luôn xây dựng tốt mối quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt với nhân dân; tôn trọng, giúp đỡ, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; một lòng, một dạ chiến đấu bảo vệ nhân dân, luôn giữ nghiêm kỷ luật quan hệ quân - dân, không phụ lòng tin yêu của nhân dân; tích cực tham gia giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, “xóa đói giảm nghèo”, xây dựng nông thôn mới, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia có hiệu quả các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ

nguồn”, cuộc vận động của các cấp, các ngành... Bản thân cán bộ, chiến sĩ luôn gương mẫu và vận động gia đình chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Bốn là, đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng, thống nhất ý chí và hành động.

Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và dân tộc ta, một yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh tổng hợp của quân đội ta. Đoàn kết nội bộ quân đội dựa trên cơ sở sự thống nhất về mục tiêu, lý tưởng chiến đấu, đường lối, nguyên tắc, nhiệm vụ cách mạng của Đảng. Mọi quân nhân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, lúc thường cũng như khi ra trận, cán bộ và chiến sĩ luôn nêu cao tình thương yêu đồng chí, đồng đội, giúp đỡ nhau như ruột thịt, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Biểu hiện nổi bật của truyền thống đó được thể hiện ở tinh thần phát huy dân chủ, đoàn kết hiệp đồng, lập công tập thể, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của quân đội, đơn vị. Cán bộ chăm lo mọi mặt cho chiến sĩ; cấp dưới tôn trọng, phục tùng mệnh lệnh cấp trên; chiến sĩ tin cậy, bảo vệ cán bộ. Trên dưới đồng lòng, toàn quân thành một khối vững chắc thống nhất ý chí và hành động, vì mục đích chung của cách mạng, của quân đội, của đơn vị và sự tiến bộ của mỗi người.

Năm là, kỷ luật tự giác, nghiêm minh.

Kỷ luật tự giác, nghiêm minh là truyền thống tốt đẹp, một trong những yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh chiến đấu của quân đội ta. Nó được bắt nguồn từ bản chất giai cấp công nhân của Đảng, từ sự nhất trí về đường lối, nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ và yêu cầu xây dựng, chiến đấu của quân đội.

Truyền thống đó được thể hiện ở tính tự giác cao trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách của mỗi quân nhân; trong thực hiện điều lệnh, điều lệ, chế độ quy định của quân đội, đơn vị; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; trong chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên ở bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng phải tuyệt đối phục tùng, tận tâm, tận lực thi hành một cách nhanh chóng và chính xác. Quân đội ta đã rèn luyện, xây dựng được nếp sống có kỷ luật, trở thành thói quen khi thực hiện nhiệm vụ và ý thức đấu tranh kiên quyết để chống mọi hành vi vô tổ chức, vô kỷ luật. Điều đó đã trở thành lối sống cao đẹp của quân đội ta.

Sáu là, độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công.

Từ khi ra đời, với “gậy tầm vông, súng kíp”, quân đội ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, không ngừng lớn mạnh và trưởng thành. Đó là tinh thần chắt chiu, cần kiệm, thực hiện “mỗi viên đạn một quân thù”, “cướp súng giặc, giết giặc”, coi vũ khí trang bị, cơ sở vật chất kỹ thuật là tài sản của Nhà nước, là mồ hôi, xương máu của nhân dân giao cho quân đội quản lý, sử dụng để đề cao ý thức trách nhiệm, thực hiện giữ tốt, dùng bền, an toàn, tiết kiệm, không tham nhũng, lãng phí; tích cực lao động, tăng gia sản xuất,

xây dựng kinh tế nâng cao đời sống; lao động sáng tạo, có kỹ thuật, có kỷ luật, đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

Ngày nay, truyền thống đó càng được phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh, bền vững, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Bảy là, lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan.

Lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa của quân đội ta là sự kế thừa những đức tính cao đẹp của dân tộc; xuất phát từ bản chất, đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân, sự phấn đấu rèn luyện, vượt qua gian khổ của quân đội ta. Lối sống đó được thể hiện trong sinh hoạt, học tập, lao động và chiến đấu. Một nếp sống với tinh thần tự giác cao, khắt khe, chính xác, linh hoạt, có kỷ luật, có tổ chức, chấp hành nghiêm kỷ luật của quân đội, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; luôn sống trung thực, khiêm tốn, giản dị, biết quý trọng đồng tiền, công sức lao động và biết thương yêu người nghèo khổ; sống có văn hóa, biết tự trọng, phân biệt rõ đúng - sai, tôn trọng bảo vệ lẽ phải, dũng cảm đấu tranh với những thói hư tật xấu; lạc quan, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vào mục tiêu, lý tưởng chiến đấu và thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Tám là, luôn luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống.

Học tập, rèn luyện vừa là nghĩa vụ, vừa là trách nhiệm được hình thành và phát triển trên tinh thần ham học, cầu tiến bộ - một đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam, trở thành truyền thống tốt đẹp của quân đội ta; nó thâm sâu vào mỗi quân nhân, trở thành cách nghĩ và hành động trong cuộc sống của mỗi người. Trong thời chiến cũng như thời bình, lúc thuận lợi cũng như khi khó khăn, quân đội ta luôn chủ động khắc phục mọi thiếu thốn, sử dụng mọi thời gian, tranh thủ mọi điều kiện để học tập, rèn luyện với tinh thần bền bỉ, kiên trì, cầu tiến bộ; nhạy cảm về chính trị, tinh tế tiếp thu cái mới và cái tiến bộ, bài trừ và phê phán cái lạc hậu, cái xấu để không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, bản lĩnh chiến đấu, năng lực công tác, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Ngày nay, trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước câu kết với nhau tăng cường hoạt động “diễn biến hòa bình”, thực hiện “phi chính trị hóa”, “dân sự hóa” quân đội với âm mưu, thủ đoạn chống phá ngày càng công khai, trực diện hơn, thì tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống càng phải được phát huy hơn nữa.

Chín là, đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình.

Đoàn kết thủy chung son sắt, chí nghĩa, chí tình với bầu bạn quốc tế đã trở thành truyền thống quý báu của Đảng, của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là truyền thống rất vẻ vang của quân đội ta. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta luôn tăng cường củng cố tình đoàn kết với các nước láng giềng, khu vực và nhiều nước trên thế giới, góp phần kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, xây dựng tình đoàn kết giữa các dân tộc, chống áp bức, bóc lột, cường quyền vì mục tiêu hòa bình, tiến bộ của nhân loại.

Ngày nay, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường, quân đội ta hơn lúc nào hết cần phát huy bản chất cách mạng, phẩm chất cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên trì xây dựng, phát triển mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị với quân đội và nhân dân các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trong khu vực và trên thế giới.

3. Trách nhiệm của quân nhân trong phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc và quân đội

- Đề cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc; thấy rõ niềm vinh dự được trở thành quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyện kế tục xứng đáng, phát huy tốt truyền thống vẻ vang của dân tộc, quân đội và đơn vị, xác định rõ trách nhiệm quân nhân, phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Nhận thức sâu sắc tình hình, yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng, nhiệm vụ của quân đội và đơn vị; thấy được những thuận lợi, nhất là những khó khăn của quân đội, đơn vị và bản thân mình trong những ngày đầu nhập ngũ để tìm mọi biện pháp khắc phục, nhanh chóng hòa nhập với tập thể và đồng đội.

- Thường xuyên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt Cuộc vận động phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới, đặc biệt là phấn đấu thực hiện những chuẩn mực cơ bản sau:

Một là, bản lĩnh chính trị vững vàng, động cơ trong sáng, trách nhiệm cao. Tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nghiêm chỉnh chấp hành Cương lĩnh, Điều lệ, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ động phòng, chống “diễn biến hòa bình”, ngăn chặn, đẩy lùi “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tâm huyết, tận tụy với công việc, gắn bó xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, khắc phục khó khăn, không sợ hy sinh gian khổ; sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Hai là, đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh. Thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, cởi mở, chân thành, lạc quan cách mạng; nghiêm khắc với bản thân, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích

của đơn vị, của nhân dân và quốc gia - dân tộc. Mẫu mực về đạo đức, lối sống; đề cao trách nhiệm nêu gương, nêu gương ở mọi lúc, mọi nơi. Nói đi đôi với làm; không vụ lợi dưới mọi hình thức; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, quân phiệt và những biểu hiện tiêu cực khác. Đề cao tự phê bình và phê bình, thẳng thắn, dũng cảm nhận khuyết điểm và nghiêm túc sửa chữa, khắc phục, phấn đấu tiến bộ; kiên quyết chống mọi biểu hiện lợi dụng phê bình với mục đích và động cơ không trong sáng.

Ba là, có văn hóa, tri thức khoa học, trình độ quân sự, năng lực, phương pháp, tác phong công tác và sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Ra sức học tập, huấn luyện, nghiên cứu nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học và các kỹ năng cần thiết, nhất là về lĩnh vực quân sự, quốc phòng; có tư duy lý luận tốt, năng lực tổ chức thực tiễn phong phú; nhận thức đúng đối tượng, đối tác của cách mạng; đối tượng tác chiến của quân đội ta. Gương mẫu chấp hành nghiêm các quy định về văn hóa công sở, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện để hoàn thiện nhân cách người quân nhân cách mạng với các giá trị chân - thiện - mỹ. Xây dựng tác phong, phương pháp làm việc chuyên nghiệp, nghiêm túc, trách nhiệm, tập thể, dân chủ, coi trọng “làm hết việc, không chỉ làm hết giờ”. Thường xuyên, tích cực rèn luyện thể chất, có sức khỏe bền bỉ, dẻo dai đáp ứng yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Bốn là, thực hành dân chủ, kỷ luật tự giác, nghiêm minh. Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở. Tự giác chấp hành nghiêm điều lệnh, điều lệ, kỷ luật của quân đội, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên; nền nếp, chế độ công tác, sinh hoạt, học tập, rèn luyện của đơn vị, ở nơi cư trú và những nơi sinh hoạt cộng đồng. Không ngừng rèn luyện tính tổ chức, tính kỷ luật và tác phong chính quy.

Năm là, chăm lo xây dựng đoàn kết nội bộ tốt; tôn trọng, giúp đỡ, gắn bó máu thịt với nhân dân; có tinh thần quốc tế trong sáng. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất; thương yêu, giúp đỡ đồng chí, đồng đội; quan hệ bình đẳng, thân ái, đồng cam, cộng khổ, lúc thường cũng như lúc chiến đấu. Không thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn của đồng chí, đồng đội và nhân dân. Thấm nhuần quan điểm gần dân, trọng dân, tin dân, sẵn sàng xả thân vì nhân dân; được nhân dân tin yêu, quý trọng, đùm bọc che chở. Nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình; kiên quyết chống mọi biểu hiện gây mất đoàn kết, chia rẽ, bè phái, cục bộ trong nội bộ và các hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết quốc tế.